

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 7 năm 2019

ĐIỂM THI

PHẦN III.2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QLHCNN

LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 10, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ BÌNH

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Vân Anh	1	04	7.5	Bảy rưỡi	
2	Phạm Thị Vân Anh	2	06	8.0	Tám	
3	Trần Thị Ánh	3	85	8.0	Tám	
4	Dương Thị Bầy	4	63	7.0	Bảy	
5	Đinh Hồng Cảnh	5	81	7.0	Bảy	
6	Đào Thị Châm	6	53	7.0	Bảy	
7	Nguyễn Hữu Duân	7	83	7.5	Bảy rưỡi	
8	Dương Thị Duyên	8	77	7.5	Bảy rưỡi	
9	Trần Thị Duyên	9	34	7.0	Bảy	
10	Giáp Thị Đạo	10	24	7.0	Bảy	
11	Nguyễn Xuân Đông	11	56	7.0	Bảy	
12	Đồng Văn Đức	12	36	7.5	Bảy rưỡi	
13	Nguyễn Đắc Giáp	13	46	7.5	Bảy rưỡi	
14	Nguyễn Thị Hà	14	03	8.0	Tám	
15	Nguyễn Duy Hải	15	68	7.0	Bảy	
16	Nguyễn Minh Hải	16	09	7.0	Bảy	
17	Vũ Thị Hạnh	17	25	7.5	Bảy rưỡi	
18	Nguyễn Thị Hảo	18	27	7.0	Bảy	
19	Dương Thị Hoa	19	-	-	-	K9 chuyển sang
20	Dương Kim Hiến	20	72	8.0	Tám	
21	Hoàng Nam Hiến	21	49	7.0	Bảy	
22	Dương Đình Hiền	22	76	7.0	Bảy	
23	Đào Đại Hiền	23	51	8.0	Tám	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
24	Nguyễn Thị Thu Hiền	24	84	7.0	Bảy	
25	Nguyễn Trung Hiếu	25	79	7.0	Bảy	
26	Lý Thị Hòa	26	29	7.0	Bảy	
27	Nguyễn Văn Hồng	27	40	7.5	Bảy rưỡi	
28	Dương Tuấn Huệ	28	32	7.0	Bảy	
29	Dương Nghĩa Hưng	29	52	7.0	Bảy	
30	Dương Thị Hương	30	48	7.0	Bảy	
31	Nguyễn Thị Bích Hường	31	50	8.0	Tám	
32	Nguyễn Văn Huy	32	05	7.0	Bảy	
33	Lý Thị Minh Kết	33	67	8.0	Tám	
34	Vũ Hữu Kiên	34	78	7.0	Bảy	
35	Nguyễn Thị Lê	35	57	8.0	Tám	
36	Dương Thị Liên	36	47	7.0	Bảy	
37	Nguyễn Thị Linh	37	58	7.0	Bảy	
38	Trương Thị Linh	38	08	7.5	Bảy rưỡi	
39	Lê Mai Loan	39	21	7.0	Bảy	
40	Đào Ngọc Luân	40	14	7.0	Bảy	
41	Hoàng Thị Lường	41	62	7.5	Bảy rưỡi	
42	Vũ Thị Luyến	42	59	8.0	Tám	
43	Nguyễn Thị Mẫn	43	02	7.5	Bảy rưỡi	
44	Lê Dương Mười	44	73	7.0	Bảy	
45	Ngô Thị Nam	45	39	7.0	Bảy	
46	Nguyễn Thành Ngọc	46	41	7.0	Bảy	
47	Lương Thị Minh Nguyệt	47	23	7.0	Bảy	
48	Hoàng Thanh Nhân	48	55	7.5	Bảy rưỡi	
49	Nguyễn Khắc Nhị	49	65	7.0	Bảy	
50	Dương Thị Nhiều	50	42	7.0	Bảy	
51	Vũ Thị Nhu	51	26	7.0	Bảy	
52	Vũ Ngọc Nhung	52	89	7.0	Bảy	
53	Dương Thị Phụng	53	12	7.0	Bảy	
54	Nguyễn Hồng Quân	54	31	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
55	Nguyễn Văn Quyền	55	-	-	-	Vắng thi
56	Nguyễn như Quyện	56	69	8.0	Tám	
57	Phạm Thị Như Quỳnh	57	01	7.5	Bảy rưỡi	
58	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	58	71	8.0	Tám	
59	Nguyễn Thị Quỳnh	59	37	7.0	Bảy	
60	Trần Thúy Quỳnh	60	20	7.0	Bảy	
61	Vũ Thị Quỳnh	61	43	7.0	Bảy	
62	Nguyễn Văn Sáu	62	70	7.5	Bảy rưỡi	
63	Nguyễn Thị Sinh	63	11	7.0	Bảy	
64	Vũ Thị Tâm	64	64	7.5	Bảy rưỡi	
65	Bùi Thị Thái	65	16	7.0	Bảy	
66	Bùi Tiến Thành	66	15	7.0	Bảy	
67	Trần Văn Thành	67	74	7.0	Bảy	
68	Hoàng Thị Thay	68	10	7.0	Bảy	
69	Dương Thị Kim Thoa	69	33	7.5	Bảy rưỡi	
70	Nguyễn Thị Thu	70	60	8.0	Tám	
71	Nông Văn Thuận	71	75	7.0	Bảy	
72	Nguyễn Thị Thúy	72	30	8.0	Tám	
73	Dương Trọng Thủy	73	66	7.0	Bảy	
74	Đặng Thị Thu Trang	74	44	8.0	Tám	
75	Kiều Thị Thu Trang	75	17	7.5	Bảy rưỡi	
76	Nguyễn Thị Trang	76	45	7.0	Bảy	
77	Dương Thị Trọng	77	19	7.5	Bảy rưỡi	
78	Dương Minh Trung	78	82	7.0	Bảy	
79	Dương Thị Tư	79	35	7.5	Bảy rưỡi	
80	Dương Thanh Tuấn	80	80	7.0	Bảy	
81	Nguyễn Mạnh Tuấn	81	22	8.0	Tám	
82	Trần Văn Tuấn	82	54	7.0	Bảy	
83	Phan Phi Tùng	83	61	7.0	Bảy	
84	Nguyễn Thị Tường	84	18	7.5	Bảy rưỡi	
85	Phạm Thanh Tuyền	85	07	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
86	Nguyễn Ngọc Văn	87	87	7.0	Bảy	
87	Ngô Quang Tuyền	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
88	Nguyễn Văn Vệ	88	28	7.0	Bảy	
89	Dương Văn Việt	89	13	7.0	Bảy	
90	Đào Đăng Việt	90	38	7.0	Bảy	
91	Hà Thị Xiêm	91	86	7.0	Bảy	
92	Nguyễn Thị Thanh Hải	92	88	7.0	Bảy	Phần III.2-K7 Sông Công

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Phúc Ái

**KHOA NN&PL
TRƯỞNG KHOA**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên

